UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 829 /BC-SNNMT

*Quảng Trị, ngày 12 tháng 10 năm 2026*

# BÁO CÁO
# KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC XÃ PHẤN ĐẤU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2026

Thực hiện Văn bản chỉ đạo số 4768/UBND-NNMT ngày 30/9/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện mục tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026; Sở Nông nghiệp và Môi báo cáo tiến độ triển khai thực hiện của các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026, cụ thể như sau:

## I. Kết quả thực hiện

### 1. Hiện trạng của 14 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới đến 9/10/2026

Trên cơ sở báo cáo của các xã, Sở Nông nghiệp và môi trường đã tổng hợp hiện trạng kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của 14 xã như sau: có 1 xã đạt 10/10 tiêu chí (Cam Lộ); 1 xã đạt 5/10 tiêu chí (Bắc Trạch); 3 xã đạt 4/10 tiêu; 6 xã đạt 3/10 tiêu chí; 3 xã đạt 2/10 tiêu chí. Tổng số tiêu chí đạt được 51 tiêu chí và 487 chỉ tiêu; trung bình đạt 3,64 tiêu chí/xã và 34,7 chỉ tiêu/xã:

- Xã Cam Lộ: đạt 10/10 tiêu chí và 47/47 chỉ tiêu.
- Xã Bắc Trạch: đạt 5/10 tiêu chí (Hạ tầng kinh tế xã hội; Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Giảm nghèo và An sinh xã hội; Khoa học công nghệ và CĐS; Môi trường và Cảnh quan nông thôn) và 37/47 chỉ tiêu;
- Xã Lệ Thuỷ: đạt 4/10 tiêu chí (Quy hoạch; Giảm nghèo và an sinh xã hội; Xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công; Tiếp cận pháp luật và An ninh Quốc phòng)và 37/47 chỉ tiêu
- Xã Vĩnh Linh: đạt 4/10 tiêu chí (Hạ tầng kinh tế xã hội, Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Giảm nghèo và an sinh xã hội; Môi trường và cảnh quan nông thôn) và 35/47 chỉ tiêu;
- Xã Triệu Phong: đạt 4/10 tiêu chí (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Văn hoá, Giáo dục, Y tế; Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công; Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng) và 31/47 chỉ tiêu;
- Xã Hải Lăng: đạt 3/10 (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Giảm nghèo và an sinh xã hội; Môi trường và cảnh quan nông thôn) tiêu chí và 36/47 chỉ tiêu;
- Xã Quảng Ninh: đạt 3/10 tiêu chí (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Văn hoá, Giáo dục, Y tế; Giảm nghèo và an sinh xã hội) và 35/47 chỉ tiêu;
- Xã Trường Ninh: đạt 3/10 tiêu chí (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn;

Giảm nghèo và An sinh xã hội; Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công) và 35/47 chỉ tiêu; Giữ nguyên tiêu chí, chỉ tiêu như tháng 8.

- Xã Nam Gianh: đạt 3/10 tiêu chí (Giảm nghèo và An sinh xã hội; Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công; Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng) và 35/47 chỉ tiêu;

- Xã Quảng Trạch: đạt 3/10 tiêu chí (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Giảm nghèo và An sinh xã hội; Môi trường và Cảnh quan nông thôn) và 34/47 chỉ tiêu;

- Xã Tuyên Phú: đạt 3/10 tiêu chí (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Khoa học công nghệ và CĐS; Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công) và 33/47 chỉ tiêu;

- Xã Cửa Tùng: đạt 2/10 tiêu chí (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công) và 38/47 chỉ tiêu;

- Xã Hiếu Giang: đạt 2/10 tiêu chí (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Giảm nghèo và an sinh xã hội) và 35/47 chỉ tiêu;

- Xã Nam Cửa Việt: đạt 2/10 tiêu chí (Quy hoạch, Xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công) và 19/47 chỉ tiêu.

*(Chi tiết có phụ lục 01,02 đính kèm)*

**2. Đánh giá của các Sở ban ngành**

Qua báo cáo của các sở ban ngành và đơn vị liên quan về tình hình triển khai các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn 14 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026, đến thời điểm hiện tại đa số các chỉ tiêu chưa có cơ sở để đánh giá do các xã chưa cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu minh chứng như: chỉ tiêu 2.4 "Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định điện", chỉ tiêu 2.5 "Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn"chỉ tiêu 3.6 về Hợp tác xã, chỉ tiêu 3.9 về hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn, chỉ tiêu 3.10 về khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận, 4.2. "Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông"; chỉ tiêu 5.1 về phát triển văn hoá; chỉ tiêu 6.7 "Đảm bảo an toàn thực phẩm"; chỉ tiêu 7.3 " Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử"…

Một số chỉ tiêu chưa có cơ sở đánh giá do đến nay vẫn chưa có hướng dẫn của Bộ Y tế nên khó khăn trong quá trình thực hiện gồm chỉ tiêu 5.3 "Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế" và chỉ tiêu 5.4 "Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội".

Có sự thiếu thống nhất rõ rệt giữa báo cáo tự đánh giá của xã và kết quả rà soát của sở: một số chỉ tiêu xã tự đánh giá đạt nhưng các đơn vị đánh giá chưa đạt và ngược lại.

*(Chi tiết có Phụ lục 03,04 đính kèm)*

**II. Tổng nhu cầu kinh phí để xây dựng xã đạt chuẩn**

Tổng nhu cầu cần để hoàn thiện các tiêu chí của 14 xã: 1.027.568 triệu đồng; trong đó: xã Cam Lộ: 29.750 triệu đồng, Bắc Trạch: 284.050 triệu đồng;

xã Lệ Thuỷ: 84.432 triệu đồng; xã Vĩnh Linh: 10.220 triệu đồng; xã Triệu Phong: 26.520 triệu đồng; xã Hải Lăng: 21.500 triệu đồng; xã Quảng Ninh: 42.450 triệu đồng; xã Trường Ninh: 80.500 triệu đồng; xã Nam Gianh: 46.100 triệu đồng; xã Quảng Trạch: 131.991 triệu đồng; xã Nam Cửa Việt: 88.055 triệu đồng; xã Tuyên Phú: 37.000 triệu đồng; xã Cửa Tùng: 68.000 triệu đồng; xã Hiếu Giang 77.000 triệu đồng.

Riêng đối với xã Cam Lộ đã cơ bản hoàn thành 10/10 tiêu chí và 47/47 chỉ tiêu, nhưng hiện nay hệ thống giao thông trên địa bàn xã chỉ mới đạt ở mức tiệm cận, vì vậy xã đề xuất kinh phí hỗ trợ là 29.750triệu đồng để giữ vững và duy trì tiêu chí.

*(Chi tiết có Phụ lục 03 đính kèm)*

**III. Khó khăn vướng mắc**

**1.Về thực hiện Chương trình**

- Khó khăn nhất là hiện nay là nhu cầu vốn để hoàn thiện các tiêu chí của các xã là rất lớn, hiện nay nguồn vốn NSTW của chương trình mới bố trí năm 2026 cho các xã là 76.587,5 triệu đồng (bao gồm: vốn ĐTPT là 24.490,5 trđ, vốn SN là 8.445 trđ, vốn sự nghiệp dự kiến phân bổ: 43.652 trđ), trong khi tổng nhu của các xã là 1.027.568 triệu đồng. Kinh phí đã phân bổ đạt khoảng **7,45% tổng nhu cầu.**

- Bên cạnh đó việc thực hiện các tiêu chí gặp một số khó khăn cụ thể như sau:

+ Một số tiêu chí khó thực hiện do yêu cầu nguồn lực lớn và cần nhiều thời gian thực hiện nhất là cơ sở vật chất văn hóa, giao thông, trường học và hệ thống thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Một số chỉ tiêu chưa đạt không chỉ phụ thuộc vào nguồn vốn đầu tư mà còn phụ thuộc vào việc rà soát, cập nhật số liệu, tổ chức thực hiện, bình xét, công nhận và hoàn thiện hồ sơ minh chứng và cần thực hiện trình đến cuối năm 2026 mới có kết quả đánh giá như tiêu chí quy hoạch, thu nhập, tỷ lệ hộ sản xuất kinh doanh giỏi, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và an ninh, trật tự.

+ Một số chỉ tiêu chưa có cơ sở đánh giá do chưa có hướng dẫn gồm chỉ tiêu 5.3 xã đạt tiêu chí về phát triển y tế và chỉ tiêu 5.4 về Trạm Y tế xã do chưa có hướng dẫn để xây dựng Đề án vị trí việc làm. Đến nay, Sở Y tế đã có văn bản gửi Bộ Y tế đề nghị sớm ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2026-2035 làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện.

+ Công tác phối hợp để đánh giá bước đầu về mức độ đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới của các địa phương và các Sở, ban ngành, đơn vị liên quan chưa được thống nhất, một số Sở ban ngành không nhận được các số liệu cung cấp của các xã nên khó khăn trong quá trình theo dõi, đánh giá và báo cáo theo lĩnh vực được giao như các chỉ tiêu 2.4 (chỉ tiêu về điện), 2.5 (chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn), 3.10 (chỉ tiêu về cụm công nghiệp), 4.2 (Tỷ lệ người theo học sau THPT), 5.1 (chỉ tiêu về phát triển văn hoá)…

- Thời gian còn lại để tổ chức thực hiện và giải ngân vốn năm 2026 không còn nhiều, khả năng hoàn thiện các tiêu chí nhằm đảm bảo đạt chuẩn trong năm

2026 rất khó khăn.

**2. Về công tác báo cáo**

- Thực hiện theo chỉ đạo tại Văn bản chỉ đạo số 4768/UBND-NNMT ngày 30/9/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện mục tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026; trong đó giao rõ nhiệm vụ các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được phân công đối chiếu kết quả tự đánh giá và báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày **07/10/2026** để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh. Tuy nhiên, đa số các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh báo cáo không đúng tiến độ, chất lượng báo cáo còn sơ sài làm ảnh hưởng đến tiến độ báo cáo chung, đến nay còn 03 đơn vị chưa có báo cáo gồm: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ và Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ Hành chính công).

**IV. Kiến nghị đề xuất và giải pháp thực hiện**

**1. Đối với UBND tỉnh:**

Đề xuất UBND tỉnh sớm có phương án bố trí vốn hỗ trợ cho các xã sớm hoàn thành các tiêu chí, nhất là các công trình, hạng mục về giao thông, trường học, thiết chế văn hóa và các nhiệm vụ có nhu cầu đầu tư lớn, vượt khả năng cân đối ngân sách của xã.

**2. Đối với các Sở, ban ngành và các đơn vị liên quan**

- Căn cứ nhiệm vụ đã được giao tại Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Phân công tham mưu quy định, hướng dẫn đánh giá các tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, các Sở ban ngành và các đơn vị liên quan tăng cường vai trò hướng dẫn, bố trí cán bộ phụ trách trực tiếp các xã và cần chủ động lập các đoàn làm việc trực tiếp tại 14 xã để "cầm tay chỉ việc", rà soát khớp nối số liệu làm cơ sở cho các địa phương hoàn thiện hồ sơ minh chứng, tránh tình trạng báo cáo chênh lệch nhau giữa xã và các sở, ngành.

- Căn cứ Văn bản chỉ đạo số 4768/UBND-NNMT ngày 30/9/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện mục tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026; đề nghị các Sở, ban ngành và các đơn vị liên quan phối hợp cập nhật số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí của 14 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới **trước 11 giờ thứ Sáu hàng tuần** để Sở Nông nghiệp và Môi trường có căn cứ báo cáo UBND tỉnh. Báo cáo của các Sở, ban ngành và đơn vị liên quan yêu cầu nêu rõ việc đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt hay chưa, nếu chưa đạt nêu rõ lý do, yêu cầu đối với các xã để hoàn thiện trong đó bao gồm cả phần tài liệu minh chứng cần cung cấp.

*(Báo cáo bằng văn bản và cập nhật theo đường link của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh*)

- Hiện nay Sở Y tế đã có văn bản gửi Bộ Y tế đề nghị hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 5.3, 5.4. Tuy nhiên trong trường hợp chưa có hướng dẫn của Trung ương, đề nghị Sở Y tế có phương án để hướng dẫn các địa phương cách thức đánh giá tạm thời một cách phù hợp nhất.

**3. Đối với UBND các xã**

- UBND các xã chủ động trong việc phối hợp với các Sở, ban ngành và đơn vị cấp tỉnh để rà soát và đối chiếu kết quả thực hiện của các tiêu chí, làm căn cứ báo cáo một cách đầy đủ, chính xác.

- Cần tập trung tối đa lực lượng, giao việc cho các phòng ban chuyên môn tiến hành lập, kiểm tra và hoàn thiện hồ sơ minh chứng gửi về các sở, ngành chuyên môn để phối hợp đánh giá, thẩm tra đảm bảo tiến độ **trước ngày 20/11/2026;**

- Hoàn thiện toàn bộ hồ sơ xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) **trước ngày 10/12/2026** như UBND tỉnh đã giao.

- Chịu trách nhiệm cập nhật về tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước 11 giờ thứ Sáu hàng tuần** để Sở Nông nghiệp và Môi trường có căn cứ báo cáo UBND tỉnh trước 15h ngày thứ Hai hàng tuần.

*(Báo cáo bằng văn bản và cập nhật theo đường link của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh*)

Trên đây là báo cáo tiến độ thực hiện của các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026 và đánh giá của các sở ngành đơn vị liên quan; Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo UBND tỉnh./.

***Nơi nhận:***
- UBND tỉnh (b/c);
- GĐ (b/c);
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Thống kê tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công;
- VPĐP nông thôn mới tỉnh;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở NN&MT;
- UBND các xã: Cam Lộ, Lệ Thuỷ, Quảng Ninh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Trường Ninh, Nam Gianh, Bắc Trạch, Tuyên Phú, Quảng Trạch; Hiếu Giang, Cửa Tùng, Nam Cửa Việt.
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

**Trần Đình Hiệp**

**PHỤ LỤC 04: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NÔNG THÔN MỚI CỦA 14 XÃ PHẤN ĐẤU ĐẠT CHUẨN NĂM 2026 VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày tháng 10 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)*

| TT | Sở ban ngành phụ trách chỉ tiêu nông thôn mới | Đánh giá đạt chuẩn của các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026 |
|---|---|---|
| **I** | **Sở xây dựng** | |
| **1** | Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch | 14/14 xã đạt tiêu chí (quy hoạch chung các xã cũ đã phê duyệt trước đây là căn cứ để đánh giá tiêu chí). |
| **2** | Chỉ tiêu 1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới | 12/12 xã đạt tiêu chí (quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, quy hoạch chi tiết khu trung tâm các xã được phê duyệt trước đây là cơ sở đánh giá tiêu chí – Xã Tuyên Phú và Bắc Trạch thuộc xã nhóm 3 không bắt buộc tiêu chí này). |
| **3** | Chỉ tiêu 1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã | 12/12 xã chưa đạt (đề nghị phê duyệt bổ sung). Xã Tuyên Phú và Bắc Trạch thuộc xã nhóm 3 không bắt buộc tiêu chí này. |
| **4** | Chỉ tiêu 2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã | 14/14 xã chưa đạt do chưa có hồ sơ minh chứng nên không có cơ sở đánh giá |
| **5** | Chỉ tiêu 6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố | Sở Xây dựng chưa có đủ cơ sở để kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện Tiêu chí 6.2 đối với 14 xã do các địa phương chưa cung cấp số liệu cụ thể. |
| **6** | Chỉ tiêu 8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu | 14/14 xã chưa đạt vì chưa có phương án thoát nước và thu gom xử lý nước thải, chưa có đầy đủ số liệu để có cơ sở đánh giá |

| TT | Sở ban ngành phụ trách chỉ tiêu nông thôn mới | Đánh giá đạt chuẩn của các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026 |
|---|---|---|
| | cầu về bảo vệ môi trường | |
| **II** | **Sở Nông nghiệp và Môi trường** | |
| **1** | Chỉ tiêu 2.2 Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động | Các xã Nam Gianh, Tuyên Phú, Nam Cửa Việt chưa đạt. Các xã còn lại chưa có cơ sở đánh giá. |
| **2** | Chỉ tiêu 2.3 Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | |
| **3** | Chỉ tiêu 3.2 Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm | Các xã chưa đạt: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Quảng Trạch, Tuyên Phú, Hải Lăng, Nam Cửa Việt |
| **4** | Chỉ tiêu 3.3 - Mô hình ứng dụng CNC / kinh tế xanh / kinh tế tuần hoàn | Các xã chưa đạt: Lệ Thủy, Quảng Trạch, Tuyên Phú, |
| **5** | Chỉ tiêu 3.4 -Phát triển sản phẩm OCOP | Xã Triệu Phong do chưa có sản phẩm OCOP được công nhận |
| **6** | Chỉ tiêu 3.5 - Mô hình du lịch nông thôn- | Đánh giá đạt do không phát sinh mô hình phải đánh giá, dù xã tự đánh giá chưa đạt. |
| **7** | Chỉ tiêu 3.6 - Hợp tác xã hoạt động hiệu quả | Có 3 xã chưa đạt do thiếu minh chứng quy mô và tăng thành viên 2 năm liên tiếp là Nam Gianh, Tuyên Phú, Quảng Trạch |
| **8** | Chỉ tiêu 3.7 - Tổ khuyến nông cộng đồng | Xã Tuyên Phú chưa đạt vì chưa thành lập |
| **9** | Chỉ tiêu 3.10 -Làng nghề được công nhận | 9 xã đạt vì không phát sinh đối tượng thuộc trường hợp phải xem xét, đánh giá theo yêu cầu gồm :Tuyên Phú, Trường Ninh, Quảng Trạch, Triệu |

| TT | Sở ban ngành phụ trách chỉ tiêu nông thôn mới | Đánh giá đạt chuẩn của các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026 |
|---|---|---|
| | | Phong, Vĩnh Linh, Hiếu Giang, Hải Lăng, Cửa Tùng, Nam Cửa Việt<br>5 xã chưa đạt vì chưa có cơ sở đánh giá gồm : Cam Lộ , Bắc Trạch, Nam Gianh, Lệ Thủy, Quảng Ninh |
| **10** | Chỉ tiêu 6.1 Tỷ lệ nghèo đa chiều | 13/14 xã đạt, còn xã Lệ Thủy chưa đạt ( tỷ lệ 2,13%) |
| **11** | Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | Còn 2 xã chưa đạt : Cửa Tùng và Nam Cửa Việt |
| **12** | Chỉ tiêu 6.7 - Đảm bảo an toàn thực phẩm | 14/14 xã chưa đạt vì chưa có cơ sở đánh giá |
| **13** | Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường | Chưa có cơ sở đánh giá do chưa có số liệu đầy đủ |
| **14** | 8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh | Chưa có cơ sở đánh giá do chưa có số liệu đầy đủ |
| **15** | 8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón | Chưa có cơ sở đánh giá do chưa có số liệu đầy đủ |
| **16** | 8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường | Chưa có cơ sở đánh giá do chưa có số liệu đầy đủ |

| TT | Sở ban ngành phụ trách chỉ tiêu nông thôn mới | Đánh giá đạt chuẩn của các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026 |
|---|---|---|
| **17** | 8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn | Chưa có cơ sở đánh giá do chưa có số liệu đầy đủ |
| **III** | **Sở Khoa học và Công nghệ** | |
| **1** | Chỉ tiêu 2.6 Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, Internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất | 14/14 xã đạt |
| **2** | Chỉ tiêu 7.1 - Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số | 14/14 xã chưa đạt do chưa có hồ sơ minh chứng nên không có cơ sở đánh giá |
| **3** | Chỉ tiêu 7.4 - Có mô hình thôn thông minh | 14/14 xã chưa đạt do chưa có hồ sơ minh chứng nên không có cơ sở đánh giá |
| **IV** | **Sở Y tế** | |
| **1** | Chỉ tiêu 5.3- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | Tất cả 14/14 xã chưa có căn cứ đánh giá do chưa có hướng dẫn của Bộ Y tế |
| **2** | Chỉ tiêu 5.4 về Trạm y tế | |
| **3** | Chỉ tiêu 6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có) | Chưa có cơ sở đánh giá vì chưa có đầy đủ hồ sơ minh chứng |
| **V** | **Sở Tài chính** | |
| **1** | Chỉ tiêu 3.6 - HTX hoạt động hiệu quả) | |
| **2** | Chỉ tiêu 3.9 - HTX hoạt động hiệu quả) & Chỉ tiêu 3.9 -Phát triển kinh tế tư nhân gắn với việc làm, thu nhập | Tất cả 14/14 xã chưa có căn cứ đánh giá do chưa có đầy đủ hồ sơ, tài liệu minh chứng |

| TT | Sở ban ngành phụ trách chỉ tiêu nông thôn mới | Đánh giá đạt chuẩn của các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026 |
|---|---|---|
| **VI** | **Sở Tư pháp** | |
| **1** | Chỉ tiêu 10.1 Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Tất cả 14/14 xã chưa có căn cứ để đánh giá chỉ tiêu 10.1 vì công tác đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoàn thành trong tháng 12 hàng năm. |
| **VII** | **Sở Công thương** | |
| **1** | Chỉ tiêu 2.4 Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn | Tất cả 14/14 xã chưa có căn cứ đánh giá do chưa có đầy đủ hồ sơ, tài liệu minh chứng |
| **2** | Chỉ tiêu 2.5 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | |
| **3** | Chỉ tiêu 3.10: Cụm CN được công nhận | |
| **4** | Chỉ tiêu 7.3 Triển khai các hoạt động thương mại điện tử | |
| **VIII** | **Sở Giáo dục và Đào tạo** | |
| **1** | Chỉ tiêu 4.2- Tỷ lệ người theo học sau THPT | Xã chưa có số liệu và minh chứng kèm theo |
| **2** | Chỉ tiêu 5.2- Phát triển giáo dục | 12/14 xã đạt, còn 2 xã chưa đạt gồm Quảng Trạch (tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia 0%) và Bắc Trạch (tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia 66,7%) |
| **IX** | **Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch** | |
| **1** | Chỉ tiêu 5.1 -Phát triển văn hóa | Tất cả 14/14 xã chưa có căn cứ đánh giá do chưa có đầy đủ hồ sơ, tài liệu minh chứng |

| TT | Sở ban ngành phụ trách chỉ tiêu nông thôn mới | Đánh giá đạt chuẩn của các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026 |
|---|---|---|
| **X** | **Sở Nội vụ** | |
| **1** | Chỉ tiêu 4.1 -Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ | 14/14 xã đạt chỉ tiêu Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ |
| **2** | Chỉ tiêu 6.5 - Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ứng phó bạo lực gia đình | 14/14 xã đạt, xã Tuyên phú chưa đạt do tỷ lệ phụ nữ tham gia các mô hình phát triển kinh tế hiện mới đạt 25% (quy định tối thiểu 40%) |
| **3** | Chỉ tiêu 9.1 - Đảng bộ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | 14/14 xã đạt chỉ tiêu Đảng bộ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên |
| **XI** | **Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh** | |
| **1** | Chỉ tiêu 10.4- Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp & chỉ tiêu QP-AN | 13/14 xã đạt, riêng xã Nam Gianh chưa đạt do chưa có trụ sở làm việc riêng |
| **XII** | **Công An tỉnh** | |
| **1** | Chỉ tiêu 10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động | Chưa đến thời điểm đánh giá . Tuy nhiên dự kiến có 8 xã đạt, còn 4 xã Trường Ninh, Nam Gianh,Quảng Trạch và Hiếu Giang dự kiến **không đạt** do thuộc địa bàn phức tạp về trật tự an toàn xã hội. |
| **2** | Chỉ tiêu 10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã | Đang tiến hành thực hiện |

| TT | Sở ban ngành phụ trách chỉ tiêu nông thôn mới | Đánh giá đạt chuẩn của các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026 |
|---|---|---|
| **XIII** | Thống kê tỉnh | |
| **1** | Chỉ tiêu 3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người | Sau khi hoàn thành công tác xử lý, tổng hợp và thẩm định, Thống kê tỉnh sẽ ban hành văn bản công bố kết quả cuộc điều tra này vào cuối tháng 11 năm 2026, để phục vụ hoàn thiện hồ sơ minh chứng cho tiêu chí 3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người cho các xã |
| **XIV** | **Hội Nông dân** | |
| **1** | Chỉ tiêu 3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định | Chưa có báo cáo gửi Sở NN & Môi trường |
| **XV** | **Hội Liên hiệp Phụ nữ** | |
| **1** | Chỉ tiêu 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an" | Chưa có báo cáo gửi Sở NN & Môi trường |
| **XVI** | **TT Phục vụ HCC** | |
| **1** | Chỉ tiêu 9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90% | Chưa có báo cáo gửi Sở NN & Môi trường |